

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1444/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Trần Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 343/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1841/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2767/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH một thành viên M(Việt Nam); Địa chỉ trụ sở: Số A đường P, phường Sài G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G; Địa chỉ: Tòa nhà số B, đường Trần Xuân S, phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2024. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H; Địa chỉ: Số D đường Quang T, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH một thành viên M(Việt Nam) có người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Phước Quỳnh G trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc H có ký với Công ty Tài chính TNHH một thành viên M(Việt Nam), gọi tắt là Công ty M Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4915542 ghi ngày 14/9/2023, khoản vay 38.772.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, giải ngân ngày 18/9/2023, thanh toán hàng tháng kể từ ngày 05/10/2023 đến ngày 05/9/2026. Thực hiện hợp đồng bà H đã thanh toán được 11.520.000 đồng, gồm gốc 1.837.624 đồng, lãi 9.541.765 đồng, phí 60.000 đồng, lãi chậm thanh toán 80.611 đồng. Từ ngày 05/3/2024, bà H không thanh toán/ thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ hợp đồng.

Công ty M đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H trả nợ, nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Tính đến ngày 30/9/2025, bà H còn nợ số tiền là 77.284.631 đồng, bao gồm: Nợ gốc 36.934.376 đồng, nợ lãi trong hạn 27.944.817 đồng, nợ lãi quá hạn 9.929.873, lãi chậm trả lãi 2.475.565 đồng.

Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết:

Bà H phải thanh toán ngay cho Công ty M toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 77.284.631 đồng.

Bà H tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn là bà H nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do.

Do bà H vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà An giữ các yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty M khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 10, quận G, bà H có đăng ký thường trú và cư trú tại địa chỉ B đường Quang T, Phường 10, quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bà H theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những

vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Trong vụ án này, bị đơn bà H vắng mặt, không đến tòa, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, coi như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán ngay số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 77.284.631 đồng, bao gồm: Nợ gốc 36.934.376 đồng, nợ lãi trong hạn 27.944.817 đồng, nợ lãi quá hạn 9.929.873, lãi chậm trả lãi 2.475.565 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4915542 ghi ngày 14/9/2023, Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA tên thuê bao Lê Thị Ngọc H và Phiếu báo nợ số giao dịch FT23261068739266; cùng lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp tín dụng cho bà H số tiền 38.772.000 đồng (khoản vay 36.000.000 đồng + phí bảo hiểm 2.772.000 đồng), thời hạn vay: từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 05/9/2026, ngày thanh toán hàng tháng 5, ngày ký hợp đồng 16/9/2023, ngày thanh toán đầu tiên 05/10/2023, lãi suất hàng tháng 4,83%, mục đích vay tiêu dùng và mua bảo hiểm người vay vốn/bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân (nếu có).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán tiền gốc là 1.837.624 đồng nên số nợ gốc còn lại là 36.934.376 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 *“1. Bên vay tiền thì phải trả đủ tiền đủ tiền khi đến hạn;”* và tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”* đối chiếu tại khoản 11.1 Điều 11 của Bản điều khoản và điều kiện cho vay có thỏa thuận ngân hàng được quyền thu hồi toàn bộ dư nợ trước hạn. Vì bị đơn bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 05/3/2024 nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc 36.934.376 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 *“5. Trường hợp vay có lãi khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi...”* và tại khoản 1, 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi,

bổ sung một số điều năm 2017 “1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng”

“2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, mức phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Đối chiếu điểm b khoản 8.3 Điều 8 của Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4915542 có thỏa thuận lãi suất dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm trên số dư lãi chậm trả. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/3/2024, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn và lãi suất chậm trả lãi là phù hợp, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2025, tiền nợ lãi trong hạn 27.944.817 đồng, nợ lãi quá hạn 9.929.873, lãi chậm trả lãi 2.475.565 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán số nợ 77.284.631 đồng, bao gồm: Nợ gốc 36.934.376 đồng, nợ lãi trong hạn 27.944.817 đồng, nợ lãi quá hạn 9.929.873, lãi chậm trả lãi 2.475.565 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Bà H còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.864.232 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 1.260.729 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025;

Khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Lê Thị Ngọc H chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên M(Việt Nam) các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2025 là 77.284.631 đồng, bao gồm: Nợ gốc 36.934.376 đồng, nợ lãi trong hạn 27.944.817 đồng, nợ lãi quá hạn 9.929.873 đồng, lãi chậm trả 2.475.565 đồng; ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4915542 ghi ngày 14/9/2023.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty Tài chính TNHH một thành viên M(Việt Nam) cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.864.232 đồng.

Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên M(Việt Nam) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.260.729 đồng theo Biên lai thu số 0057546 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực A – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

